

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 13
Báo cáo của Ngân hàng Giám Sát	14
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	15 - 16
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	17 - 18
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	19 - 20
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	21
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	22 - 23
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	24 - 25
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	26 - 62

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 đồng, chiếm 120,85% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 148.812.374.100 đồng, tương đương với 14.881.237,41 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017
Ông Phạm Ngọc Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Đông - Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

Đ. N. ...
Y
NH
ĐẦU TƯ
TOÁN
ANIC
T. P.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả thu nhập giữa niên độ tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

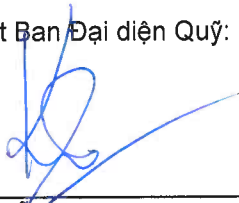
Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo ý kiến của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:


Ông Nguyễn Trung Kiên
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính đã soát xét, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2018, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là -4,73% và 0,08% so với ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3. Chiến lược đầu tư

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của chủ sở hữu chứng chỉ quỹ.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

Loại hình đầu tư	Mức độ rủi ro	Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)
Cổ phiếu	Trung bình đến cao	50,00%
Tài sản có thu nhập cố định	Thấp đến trung bình	50,00%

Việc phân bổ tài sản có thể tăng/giảm 25,00% so với tỷ trọng trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản. Thông thường tỷ lệ phân bổ vào tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp với chiến lược đầu tư thận trọng. Tỷ lệ phân bổ cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi cho chiến lược đầu tư nhắm vào tăng trưởng vốn.

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào danh mục cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với vốn hóa thị trường lớn và thanh khoản tốt. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn hơn cổ phiếu vốn hóa thị trường lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

5. **Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:** Trung đến dài hạn

6. **Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):** Trung bình đến cao

7. **Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. **Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tổng giá trị tài sản ròng: 280.723.892.982 Việt Nam đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 14.881.237,41 chứng chỉ quỹ.

9. **Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Chỉ số tham chiếu được tính bằng 50% tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex cộng với 50% lợi suất trái phiếu có kỳ hạn 10 năm của Chính phủ Việt Nam được lấy từ Reuters tại ngày đầu tiên của mỗi năm.

10. **Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu chứng chỉ quỹ sẽ do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định về quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu chứng chỉ quỹ và Ban Đại diện Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu chứng chỉ quỹ.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. **Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ:** Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. **Cơ cấu tài sản quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018**

Cơ cấu tài sản quỹ	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (%)	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (%)
Danh mục chứng khoán	80,06	72,71
Tài sản khác	19,94	27,29
Tổng cộng	100,00	100,00

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

	Chỉ tiêu	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	280.723.892.982	196.056.587.068
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	14.881.237,41	10.737.344,19
3	Giá trị tài sản ròng của một đơn vị CCQ	18.864,28	18.259,31
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	21.133,94	18.259,31
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	18.856,37	15.138,95
6	Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	18.864,28	18.259,31
7	Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	21.133,94	18.259,31
8	Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	18.856,37	15.138,95
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	(4,73%)	21,10%
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) (*)	(6,60%)	19,42%
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (*)	1,86%	1,68%
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,08%	2,14%
14	Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	0,4337	0,2150

(*) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị CCQ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

<i>Giai đoạn</i>	<i>Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị chứng chỉ quỹ</i>	<i>Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu</i>
6 tháng từ đầu năm	-4,73%	0,08%
1 năm	3,31%	14,70%
Từ khi thành lập	88,64%	63,41%
Từ khi thành lập (%/năm)	15,08%	11,48%

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

Thị trường biến động mạnh trong 6 tháng đầu năm 2018. Sau khi tăng mạnh trong Quý 1 và đầu tháng 4/2018, thị trường đã sụt giảm mạnh trong Quý 2/2018

Sau khi đạt 1.204,33 điểm, mức cao nhất trong lịch sử thị trường chứng khoán, vào ngày 9 tháng 4 năm 2018, chỉ số VN Index đã giảm mạnh và đóng cửa Quý 2/2018 ở mức 960,78 điểm, thấp hơn 20,2% so với mức đỉnh và giảm 18,2% trong Quý 2/2018. Tính chung 6 tháng, thị trường đã giảm 2,4%.

Mức độ biến động của chỉ số cũng gia tăng đáng kể. Chỉ 6 tháng đầu năm 2018, có đến 30 ngày giao dịch chỉ số biến động trên 2%, so với 3 ngày trong cả năm 2017 và 4 ngày trong năm 2016. Độ lệch chuẩn quy năm của chỉ số VN Index, mặc dù đã tăng từ 9,8% trong 2017 lên 23,4% vào Quý 1/2018, tiếp tục tăng lên 27,0% vào Quý 2/2018.

Bên cạnh hai yếu tố tích cực là GDP Quý 1/2018 tăng trưởng vượt kỳ vọng và các doanh nghiệp công bố kết quả kinh doanh Quý 4/2017 khả quan, thị trường Quý 1/2018 được hưởng lợi từ nguồn thanh khoản dồi dào trong hệ thống ngân hàng, được thể hiện qua việc lợi suất trái phiếu chính phủ tiếp tục giảm trong Quý 1/2018. Ngoài ra, tương tự như diễn biến trong năm 2017, tăng trưởng của thị trường chủ yếu nhờ vào một số cổ phiếu có vốn hóa lớn.

Trong khi đó, sự sụt giảm và biến động mạnh trong Quý 2/2018 được cho là do các lý do sau:

- (i) Nước ngoài gia tăng bán trên thị trường để tham gia các đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và niêm yết (IPO) có quy mô 11 tỷ USD của Công ty Cổ phần Vinhomes (HSX: VHM) và 6,5 tỷ USD của Ngân hàng Techcombank (HSX: TCB) và sau đó bán ròng trong xu hướng rút vốn khỏi thị trường mới nổi và cận biên do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) tăng lãi suất;
- (ii) Căng thẳng thương mại, đặc biệt là căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, khiến thị trường chứng khoán Trung Quốc sụt giảm và đồng tiền Trung Quốc RMB mất giá;
- (iii) Lạm phát tăng và tỷ giá có những biến động sau một vài năm tương đối ổn định;
- (iv) Điều chỉnh của những mã cổ phiếu có vốn hóa lớn.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

Thanh khoản và quy mô thị trường đạt mức kỷ lục trong Quý 1/2018, giảm trong Quý 2/2018. Thanh khoản của thị trường phát sinh tăng mạnh trong Quý 2/2018 khi thị trường giảm.

Tổng giá trị giao dịch trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) trong Quý 1/2018 đạt 422,4 nghìn tỷ đồng (tương đương 18,5 tỷ USD), tăng 21,6% so với giá trị giao dịch trong Quý 4/2017 và 129,3% so với giá trị giao dịch trong Quý 1/2017. Giá trị giao dịch trong quý này đạt mức cao kỷ lục tính từ ngày thành lập thị trường vì được hỗ trợ tích cực từ quy mô cung cầu lớn hơn rất nhiều.

Trong Quý 2/2018, giá trị giao dịch trên HSX đạt 377,7 nghìn tỷ đồng (khoảng 16,5 tỷ USD), giảm 10,6% so với quý trước nhưng vẫn tăng 39,9% so với cùng kỳ năm trước. Xét theo khối lượng giao dịch, thanh khoản thực tế giảm 21,6% so với quý trước và cũng giảm 11,3% so với cùng kỳ năm 2017. Mặc dù thanh khoản giảm khi thị trường xấu là điều bình thường, một phần sụt giảm của thanh khoản lần này được giải thích bởi sự hấp dẫn của thị trường phát sinh. Số lượng hợp đồng tương lai chỉ số tăng mạnh, đạt 4,2 triệu hợp đồng trong Quý 2/2018, gấp 3 lần so với số lượng hợp đồng được giao dịch trong quý 2. Tổng giá trị danh nghĩa của các hợp đồng đạt 417 nghìn tỷ đồng (tương đương 18,2 tỷ USD), gấp 2,9 lần so với giá trị được thực hiện trong quý trước.

Nhà đầu tư nước ngoài duy trì vị thế mua ròng nhờ vào một số giao dịch lớn.

Trong 6 tháng đầu năm 2018, nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng gần 1,5 tỷ USD. Tuy nhiên, giao dịch mua ròng tập trung vào một số mã có vốn hóa lớn và mới niêm yết như cổ phiếu của Công ty CP Vinhomes (VHM) với giao dịch khoảng 1,25 tỷ USD sau ngày niêm yết vào ngày 18/5/2018, 198 triệu USD vào ngày 6/2/2018 của Công ty CP Vincom Retail (VRE), 152 triệu USD của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova (NVL) vào ngày 20/4/2018, 103 triệu USD cổ phiếu của Công ty CP Tập đoàn Yeah 1 (YEG) vào ngày 27/6/2018.

Cổ phần hóa và niêm yết các công ty nhà nước được đẩy mạnh trong Quý 1/2018. Các công ty tư nhân thực hiện các đợt IPO với quy mô kỷ lục

Trong Quý 1/2018 Chính phủ đã thực hiện IPO thành công ba công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) là Công ty Lọc Hóa Dầu Bình Sơn (BSR), Tổng Công ty Dầu Việt Nam (OIL) và Tổng Công ty Điện Lực Dầu Khí Việt Nam (POW). Cả ba đợt chào bán này đều có số lượng đặt mua vượt quá số lượng chào bán giúp Chính phủ thu về tổng cộng khoảng 737 triệu USD. Một trong số ít các đợt IPO không thành công là của Tập đoàn Cao su Việt Nam khi chỉ có 21,2% tổng số lượng cổ phần chào bán được đăng ký mua vì định giá được tin là không hấp dẫn đặc biệt là trong điều kiện giá cao su tự nhiên đang ở mức thấp và Chính phủ muốn nắm giữ ít nhất 75,0% vốn cổ phần của Tập đoàn sau khi IPO cũng như việc các nhà đầu tư nước ngoài không được phép tham gia với tư cách là cổ đông chiến lược.

Sau khi tiến hành IPO, các cổ phần được chào bán của ba công ty con của PVN đã được niêm yết trên sàn UPCOM với tổng giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết đạt khoảng 0,8 tỷ USD vào thời điểm cuối tháng 3 năm 2018.

Liên quan đến các đợt IPO của khối các công ty tư nhân, nổi bật là đợt IPO 11 tỷ USD của Vinhomes (VHM) và 6,5 tỷ USD của Ngân hàng TMCP Techcombank (TCB), được thực hiện trong Quý 2/2018.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

Các cổ phiếu có vốn hóa lớn và các cổ phiếu ngành ngân hàng là quán quân giúp thị trường tăng điểm trong Quý 1/2018 cũng là các công ty ghi nhận mức giảm nhiều nhất trong Quý 2/2018

Ngoại trừ cổ phiếu của VIC, bốn cổ phiếu nằm trong danh sách năm cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào tăng trưởng của VNIndex trong Quý 1/2018 bao gồm cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khí Việt Nam (HSX: GAS), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển (HSX: BID), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (HSX: VCB) và Tập đoàn Masan (HSX:MSN) đều nằm trong danh sách bảy cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào mức giảm của VNIndex trong Quý 2/2018. Bốn cổ phiếu này đóng góp tới 43,8% số điểm tăng của VNIndex trong Quý 1/2018 và tới 32,9% vào số điểm giảm của VNIndex trong Quý 2/2018.

Ngành Ngân hàng sau khi tăng 40,5% trong Quý 1/2018, đóng góp 42,9% vào mức tăng của VNIndex trong Quý 1/2018 đã giảm tới 28,9% trong Quý 2/2018, đóng góp 38,4% vào mức giảm của VNIndex trong Quý 2/2018.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ (*)	3,86%	Không áp dụng
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ (*)	(0,55%)	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	3,31%	15,08%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng

(*) Phân phân tách tăng trưởng/1 đơn vị CCQ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	280.723.892.982	196.056.587.068	43,19%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	18.864,28	18.259,31	3,31%

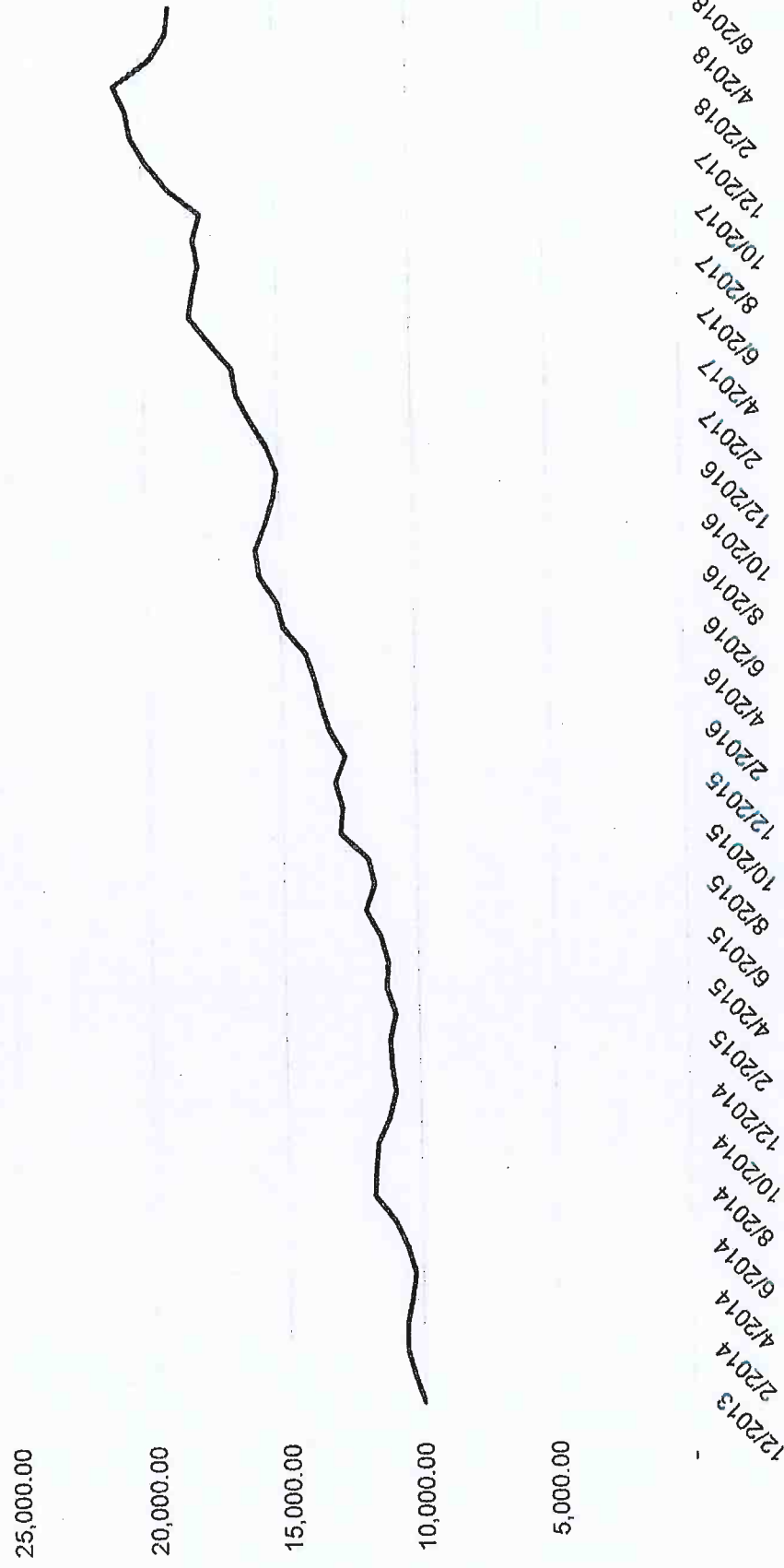
**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ hàng tháng của Quỹ:



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

<i>Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)</i>	<i>Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ</i>	<i>Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ nắm giữ</i>
Dưới 5.000	928	1.598.135,37	10,74%
Từ 5.000 - 10.000	171	1.193.513,64	8,02%
Từ 10.000 đến 50.000	130	2.695.239,52	18,11%
Từ 50.000 đến 500.000	32	2.814.990,65	18,92%
Trên 500.000	3	6.579.358,23	44,21%
Tổng cộng	1.264	14.881.237,41	100,00%

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Mặc dù cho rằng thị trường sẽ điều chỉnh trong Quý 2/2018, thị trường đã giảm nhanh hơn nhiều so với kỳ vọng của chúng tôi. Đúng là có những lý do để lo lắng như đã đề cập trong phần "Mô tả thị trường", chúng tôi cho rằng thị trường đã phản ánh quá mức với các thông tin này, vì thị trường vẫn luôn luôn là như vậy, luôn phản ánh thái quá với các thông tin, đặc biệt là đối với các thông tin mà mức độ ảnh hưởng chưa xác định được một cách chắc chắn.

Khi lạm phát bắt đầu tăng, VND bắt đầu bị mất giá sau một vài năm ổn định trong khi thị trường chứng khoán giảm, nhà đầu tư bắt đầu lo sợ về một cuộc khủng hoảng tương tự như những gì đã diễn ra trong năm 2008 và 2011. Chúng tôi không cho rằng như vậy vì các điều kiện kinh tế giai đoạn hiện tại tốt hơn rất nhiều so với giai đoạn đó và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) cũng thận trọng hơn rất nhiều so với trước đây. Lạm phát tăng trong một vài tháng gần đây chủ yếu là do giá lợn hơi và giá dầu tăng mạnh. Giá lợn hơi, sau khi giảm khoảng 48-52% trong năm 2017, ở khoảng 29.000-33.000 VND/kg vào tháng 12/2017, đã hồi phục lên 46.000-52.000 VND/kg vào tháng 6/2018. Trong khi đó, giá dầu thô Brent đã tăng khoảng 18,8% trong nửa đầu năm 2018 do quan ngại về việc thiếu hụt nguồn cung khi Tổng thống Mỹ Donald Trump rút khỏi thỏa thuận hạt nhân với Iran vào tháng 5 và việc sụt giảm nguồn cung tại Venezuela và Lybia. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng tốc độ tăng của cả giá thịt lợn và giá dầu sẽ khó có thể tiếp tục cao do đã thiết lập một mặt bằng giá cao hơn. Hơn nữa, nếu kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại do căng thẳng thương mại, áp lực lên giá cả các loại hàng hóa sẽ giảm xuống. Chúng tôi cũng không quá lo lắng về vấn đề tỷ giá, không phải chỉ do dự trữ ngoại tệ ở mức cao (khoảng 65 tỷ USD) mà còn bởi cán cân thanh toán vẫn đang ở trạng thái tốt và chúng tôi chưa thấy có mối nguy cơ nào quá lớn dẫn đến thay đổi trạng thái này trong tương lai gần. Cán cân thương mại hàng hóa vẫn tiếp tục thặng dư. Cán cân thương mại dịch vụ được cải thiện nhờ du lịch tăng trưởng tốt. Giải ngân FDI vẫn duy trì mức tăng trưởng tích cực. Khi đồng USD mạnh lên và đồng VND yếu đi, việc VND giảm giá một chút là không tránh khỏi nhưng điều đó không có nghĩa là sẽ có phá giá lớn đồng tiền trong thời gian tới.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Liên quan đến lo ngại kinh tế Trung Quốc có thể sẽ hạ cánh cứng do bị ảnh hưởng bởi căng thẳng thương mại, GDP của Trung Quốc dự kiến có thể bị giảm 0,1% sau khi Mỹ áp 25% thuế quan lên 50 tỷ USD hàng hóa Trung Quốc xuất khẩu sang Mỹ (trong đó thuế đánh trên hàng hóa trị giá 34 tỷ USD đã có hiệu lực từ ngày 6 tháng 7 năm 2018, 16 tỷ hàng hóa còn lại khả năng sẽ bị đánh thuế trong thời gian gần), và có thể bị giảm 0,3% nếu Mỹ áp 10% thuế quan lên 200 tỷ USD hàng hóa của nước này xuất khẩu vào Mỹ, một mức sụt giảm không quá nghiêm trọng. Trung Quốc có đủ các công cụ linh hoạt trong việc điều chỉnh chính sách tiền tệ và tài khóa để bù đắp cho sự sụt giảm này. Ngoài ra, động lực tăng trưởng kinh tế Trung Quốc trong mấy năm vừa qua đã chuyển hướng nhiều hơn sang tiêu dùng nội địa, đầu tư tư nhân và cải tiến công nghệ. Trung Quốc cũng có thị trường xuất khẩu đa dạng với hơn 60% giá trị xuất khẩu tới các nước đang phát triển. Trừ trường hợp Mỹ đánh thuế lên toàn bộ các mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc, thiệt hại đối với nó có thể lên tới 3,2% GDP của Trung Quốc, chúng tôi cho rằng kinh tế Trung Quốc có đủ khả năng để chống đỡ. Tuy nhiên chúng tôi không nghĩ khả năng này sẽ xảy ra vì như vậy cũng sẽ không có lợi cho Mỹ do Mỹ cũng có thể bị thiệt hại khoảng 0,9% GDP nếu Trung Quốc đánh thuế lên tất cả các mặt hàng nhập khẩu từ Mỹ, chưa kể khả năng lạm phát của Mỹ có thể tăng cao do giá cả hàng hóa tăng.

Mặc dù các ảnh hưởng gián tiếp từ căng thẳng thương mại lên nền kinh tế Việt Nam, vốn rất khó để lượng hóa, cùng với các ảnh hưởng trực tiếp có thể làm giảm tốc tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, chúng tôi không cho rằng mức độ sụt giảm có thể lớn đến mức gây ra một cuộc khủng hoảng kinh tế. Một số chuyên gia thậm chí còn cho rằng Việt Nam có thể được hưởng lợi từ "cuộc chiến thương mại" trong dài hạn khi các nhà sản xuất dịch chuyển nhà máy từ Trung Quốc sang Việt Nam.

Khi kỷ nguyên nở rộ tiền tệ kết thúc, không chỉ ở Mỹ mà tiếp theo sẽ là ở Nhật Bản và Châu Âu, việc "ăn miếng trả miếng" trong các căng thẳng thương mại sẽ tiếp tục, và có khả năng xảy ra một cuộc chiến tiền tệ, thị trường vẫn có thể tiếp tục biến động. Hơn nữa, một số cổ phiếu có tỷ trọng đóng góp lớn trong VNIndex vẫn đang giao dịch ở mức định giá rất cao. Nếu những cổ phiếu này điều chỉnh, tâm lý nhà đầu tư sẽ bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, định giá thị trường, chỉ số giá/lợi nhuận PE đã giảm 20,7% từ mức đỉnh ghi nhận vào cuối Quý 1/2018 xuống còn 17,2 lần vào ngày 13 tháng 7 năm 2018, giúp Việt Nam định giá ở mức hợp lý so với thị trường ở các nước khác. Định giá thị trường thậm chí còn được đánh giá hấp dẫn nếu nhìn vào mức trung vị PE, PB của thị trường, tương ứng chỉ là 9,3 lần và 0,9 lần. Và vì chúng tôi nhận thấy nền kinh tế hiện đang phát triển rất tốt, điều này sẽ giúp các công ty tiếp tục ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận, chúng tôi đã mua thêm các cổ phiếu của các công ty được quản lý tốt, có khả năng hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong dài hạn, với mức định giá hấp dẫn cho các Quý khi thị trường biến động trong vài tháng qua. Chúng tôi tin tưởng rằng điều này, cũng giống như những gì chúng tôi đã làm trong quá khứ, đã tạo ra một cơ sở vững chắc cho việc tăng trưởng lợi nhuận dài hạn của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Định giá thị trường chứng khoán Việt Nam so với một số thị trường mới nổi khác						
Nước	Chỉ số	Dự báo 2018	12 tháng gần nhất			Quý
		Tăng trưởng GDP (%)	ROE (%)	EV/EBITDA	PE	PB
Trung Quốc	SHCOMP Index	6.5	10.9	13.8x	13.8x	1.5x
Thái Lan	SET Index	4.2	11.6	11.0x	16.6x	1.9x
Malaysia	FBMKLCI Index	5.5	10.8	9.7x	17.8x	1.8x
Indonesia	JCI Index	5.3	11.3	11.5x	20.7x	2.3x
Ấn Độ	MXIN Index	6.6	8.3	13.0x	28.3x	3.2x
Philippin	PCOMP Index	6.7	11.1	11.9x	18.9x	2.1x
Việt Nam	VNIndex	6.8	14.5	11.1x	17.2x	2.5x
Việt Nam	Toàn bộ thị trường - Trung vị		9.7	6.7x	8.9x	0.9x
Việt Nam	Trọng tâm đầu tư của Quỹ (*) - Trung vị		15.8	9.8x	12.6x	1.7x

Nguồn: Bloomberg tại ngày 13/7/2018

(*) Các công ty có vốn hóa lớn hơn công ty lớn thứ 100 trên sàn HSX.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban Giám đốc Công ty quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

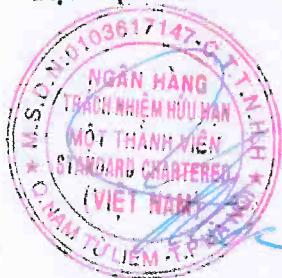
Ngày 10 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF ("Quỹ"). Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Lê Sỹ Hoàng

Trưởng bộ phận nghiệp vụ chứng khoán

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Hương Giang

Phụ trách Bộ phận Giám Sát

Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,
E6 Phạm Hùng, Mễ Trì Ward,
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84-24) 3936 8000
Fax : (84-24) 3837 8356
Swift: SCBLVNVX

Here for good

Số tham chiếu: 61141024/20392108-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được lập ngày 10 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 17 đến trang 62, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Quý vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thùy Dương

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0893-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B01g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(12.525.083.560)	34.852.630.487
02	1.1 Cổ tức được chia	15	5.178.579.400	2.760.518.200
03	1.2 Tiền lãi được nhận	16	2.647.721.653	1.635.276.220
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	17	13.256.351.157	1.730.030.026
05	1.4 Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	18	(33.607.735.770)	28.726.806.041
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		149.284.291	31.933.957
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	19	149.284.291	31.933.957
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		2.758.081.790	1.796.933.153
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	28.1	2.080.784.797	1.270.765.594
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		160.069.384	110.377.389
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	28.2	118.800.000	95.700.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	28.2	118.800.000	59.400.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		66.000.000	66.000.000
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		80.445.839	60.371.740
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		65.457.534	65.457.539
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	20	67.724.236	68.860.891
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(15.432.449.641)	33.023.763.377
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		236.376.898	45.275.654
24.1	5.1 Thu nhập khác	22	236.376.898	45.275.654
30	VI. TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(15.196.072.743)	33.069.039.031
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		18.411.663.027	4.342.232.990
32	6.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(33.607.735.770)	28.726.806.041
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(15.196.072.743)	33.069.039.031

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B01g-QM



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khởi điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thủy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2018

B02g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	11.467.534.111	16.087.472.287
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ mở		4.467.534.111	7.862.212.593
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		7.000.000.000	8.225.259.694
120	2. Các khoản đầu tư thuần	5	269.683.940.463	237.097.680.166
121	2.1 Các khoản đầu tư		269.683.940.463	237.097.680.166
	2.1a Cổ phiếu niêm yết		206.015.422.050	180.363.866.650
	2.1b Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		41.663.511.226	46.654.538.316
	2.1c Trái phiếu doanh nghiệp		22.005.007.187	10.079.275.200
130	3. Các khoản phải thu	6	3.653.520.371	2.581.232.763
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		3.653.520.371	2.581.232.763
136	3.1a Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		3.653.520.371	2.581.232.763
100	TỔNG TÀI SẢN		284.804.994.945	255.766.385.216
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	7	344.816.450	1.327.948.940
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	8	534.899.472	308.660.408
314	3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		20.726.417	2.891.120
316	4. Chi phí phải trả	9	163.416.438	76.000.000
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	10	172.201.900	1.711.014.000
318	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	11	1.643.710.770	145.645.336
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	12	1.201.330.516	442.307.911
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		4.081.101.963	4.014.467.715
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ (III=I-II)		280.723.892.982	251.751.917.501
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		148.812.374.100	127.139.165.400
412	1.1 Vốn góp phát hành	13	209.045.261.000	172.509.330.400
413	1.2 Vốn góp mua lại	13	(60.232.886.900)	(45.370.165.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	13	57.636.070.889	35.141.231.365
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	14	74.275.447.993	89.471.520.736
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	13	18.864,28	19.801,28

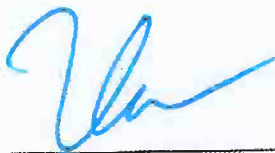
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018

B02g-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành		14.881.237,41	12.713.916,54



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B03g-QM

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ	251.751.917.501	151.681.688.763
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước	(15.196.072.743)	33.069.039.031
	II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	(15.196.072.743)	33.069.039.031
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	44.168.048.224	11.305.859.274
	III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	73.624.376.560	24.178.254.201
	III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(29.456.328.336)	(12.872.394.927)
IV	NAV của Quỹ mở cuối kỳ	280.723.892.982	196.056.587.068



Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
 Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2018

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018
I	Cổ phiếu niêm yết			206.015.422.050	72,33%
1	ACB	167.200	35.600	5.952.320.000	2,09%
2	AST	22.000	62.900	1.383.800.000	0,49%
3	BCC	442.000	6.400	2.828.800.000	0,99%
4	BMP	79.280	58.600	4.645.808.000	1,63%
5	CTD	33.850	152.400	5.158.740.000	1,81%
6	CTG	214.000	24.250	5.189.500.000	1,82%
7	DGC	124.323	31.800	3.953.471.400	1,39%
8	DHG	36.614	102.000	3.734.628.000	1,31%
9	DPR	100.680	39.000	3.926.520.000	1,38%
10	DRC	204.300	23.600	4.821.480.000	1,69%
11	FOX	72.900	51.000	3.717.900.000	1,31%
12	FPT	207.634	41.500	8.616.811.000	3,03%
13	HCM	67.760	57.000	3.862.320.000	1,36%
14	HDG	100.517	34.500	3.467.836.500	1,22%
15	HT1	338.080	11.500	3.887.920.000	1,37%
16	IMP	69.005	52.500	3.622.762.500	1,27%
17	LPB	327.000	11.200	3.662.400.000	1,29%
18	LTG	116.800	39.900	4.660.320.000	1,64%
19	MBB	436.270	26.200	11.430.274.000	4,01%
20	MWG	34.000	114.000	3.876.000.000	1,36%
21	NCT	97.920	93.000	9.106.560.000	3,20%
22	NNG	82.300	9.000	740.700.000	0,26%
23	NSC	45.770	110.900	5.075.893.000	1,78%
24	NT2	135.120	29.100	3.931.992.000	1,38%
25	PAC	126.890	41.700	5.291.313.000	1,86%
26	PET	193.000	9.350	1.804.550.000	0,63%
27	PGC	239.100	15.000	3.586.500.000	1,26%
28	PLC	76.100	16.200	1.232.820.000	0,43%
29	PME	52.980	73.800	3.909.924.000	1,37%
30	PNJ	53.002	87.000	4.611.174.000	1,62%
31	POW	593.000	13.100	7.768.300.000	2,73%
32	PTI	67.200	24.200	1.626.240.000	0,57%
33	PVD	5	13.650	68.250	0,00%
34	PVS	383.500	17.300	6.634.550.000	2,33%
35	PVT	192.100	15.250	2.929.525.000	1,03%
36	QNS	153.360	36.600	5.612.976.000	1,97%
37	REE	101.340	31.900	3.232.746.000	1,14%
38	SAS	135.200	27.000	3.650.400.000	1,28%
39	SVC	18.300	48.150	881.145.000	0,31%
40	SVI	8	42.400	339.200	0,00%
41	TCL	79.000	25.000	1.975.000.000	0,69%
42	TCM	258.125	19.800	5.110.875.000	1,79%

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018
I	Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo)				
43	TMS	87.237	30.100	2.625.833.700	0,92%
44	TRA	2	79.700	159.400	0,00%
45	VHC	30.475	58.700	1.788.882.500	0,63%
46	VIT	106.330	13.500	1.435.455.000	0,50%
47	VNM	111.909	170.000	19.024.530.000	6,68%
48	VNS	7.240	14.600	105.704.000	0,04%
49	VSC	284.696	34.850	9.921.655.600	3,47%
II	Trái phiếu			22.005.007.187	7,73%
1	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	150.000	100.822,463	15.123.369.450	5,31%
2	Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	67	102.711.011,000	6.881.637.737	2,42%
III	Các tài sản khác			3.653.520.371	1,28%
1	Cổ tức, trái tức được nhận			1.512.499.534	0,53%
2	Phải thu lãi tiền gửi			2.141.020.837	0,75%
IV	Tiền			53.131.045.337	18,66%
1	Tiền gửi ngân hàng			4.467.534.111	1,57%
2	Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng			7.000.000.000	2,46%
3	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng			41.663.511.226	14,63%
V	Tổng giá trị danh mục			284.804.994.945	100,00%



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ


Ông Nguyễn Văn Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B05g-QM

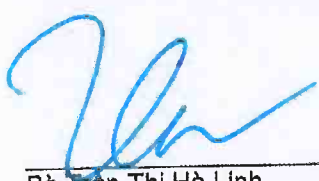
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(15.196.072.743)	33.069.039.031
02	Điều chỉnh cho các khoản tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		33.668.152.208	(28.722.389.593)
03	Lỗ/(lãi) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	18	33.607.735.770	(28.726.806.041)
04	Chi phí trích trước		60.416.438	4.416.448
05	2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		18.472.079.465	4.346.649.438
20	Tăng các khoản đầu tư		(66.193.996.067)	(7.864.996.973)
06	Giảm phải thu bán chứng khoán đầu tư		-	575.136.000
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(1.072.287.608)	(1.328.558.675)
10	Giảm phải trả cho người bán		(983.132.490)	(1.346.116.150)
11	Tăng/(giảm) phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		226.239.064	(77.859.580)
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		17.835.297	12.278.736
14	(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		(1.538.812.100)	972.722.115
15	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		1.498.065.434	120.931.327
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		27.000.000	-
17	Tăng phải trả Dịch vụ quản lý Quỹ mở		759.022.605	507.801.453
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(48.787.986.400)	(4.082.012.309)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	13	73.624.376.560	24.178.254.201
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	13	(29.456.328.336)	(12.872.394.927)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		44.168.048.224	11.305.859.274
40	III. (Giảm)/tăng tiền thuần trong kỳ		(4.619.938.176)	7.223.846.965

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

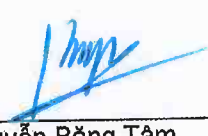
B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	4	16.087.472.287	11.451.433.179
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:			
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		14.230.812.951	11.009.737.803
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng		8.225.259.694	6.631.363.830
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ		1.856.659.336	441.695.376
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	11.467.534.111	18.675.280.144
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:			
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		10.243.837.720	17.057.362.653
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng		7.000.000.000	10.693.707.281
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ		1.223.696.391	1.617.917.491
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		(4.619.938.176)	7.223.846.965


 Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ


 Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc


 Bà Võ Thị Thùy Linh
 Người lập biểu


 Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

Công ty quản lý quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Ngân hàng giám sát và lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 đồng, chiếm 120,85% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 148.812.374.100 đồng, tương đương với 14.881.237,41 chứng chỉ quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN").

Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên, từ cơ sở phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục đầu tư.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hàng tuần vào ngày thứ Tư. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày định giá sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Tư không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (6) tổ chức phát hành, đồng thời phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại Ngân hàng Giám sát, tổng giá trị các khoản đầu tư vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và ngoại tệ; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng không được vượt quá bốn mươi chín phần trăm (49%) của tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- b) Tổng giá trị các khoản đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành bởi của một tổ chức (bao gồm công cụ thị trường tiền tệ, công cụ chuyển nhượng, chứng khoán) có giá trị từ năm phần trăm (5%) trở lên trên tổng giá trị tài sản của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- c) Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán, bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, ngoại tệ; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch; trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật, không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chứng khoán phái sinh niêm yết theo quy định của pháp luật, giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm các công ty có quan hệ sở hữu với nhau không được vượt quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ
- d) Tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào tất cả các chứng khoán bao gồm các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (không bao gồm trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi một tổ chức không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- e) Tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào chứng khoán (trừ trái phiếu Chính phủ) của một tổ chức phát hành không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị của các chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- f) Tổng giá trị trái phiếu và cổ phiếu chuẩn bị niêm yết hoặc chuẩn bị đăng ký giao dịch trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày Quỹ đầu tư của các tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam và trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g) Tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; và
- h) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Quỹ sẽ không thực hiện đầu tư vào:

- a) Đơn vị quỹ của các quỹ đầu tư hoặc cổ phần của các công ty đầu tư chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - b) Trực tiếp nắm giữ bất động sản, đá quý, kim loại quý hoặc hàng hóa.
- Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra ở trên, ngoại trừ điểm (g) và chỉ vì các lý do sau:
- a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
 - c) Thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
 - d) Các hoạt động hợp nhất, sáp nhập và thu tóm của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
 - e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; hoặc
 - f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.4*).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả kinh doanh giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán được chấp nhận phổ biến ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 198 và Thông tư 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam (VND) và báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày bằng VND.

2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Thay đổi chính sách kế toán thuyết minh

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu (tiếp theo)

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư giữa niên độ được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý.
- Cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu, trái phiếu này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 183 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183 và được Ban đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 198 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	- Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ (tiếp theo)		
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thủy hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	- Giá thị trường là giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá sạch từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. - Đối với trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, giá sẽ được tính theo phương pháp chiết khấu dòng tiền.
7.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá trị trung bình dựa trên báo giá của ba tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
8.	Trái phiếu biến động bất thường	- Trong điều kiện bình thường, trái phiếu niêm yết được định giá theo mục 5 ở trên. - Trong trường hợp giá trái phiếu có biến động hơn $\pm 10\%$ khi so sánh với giá Reuters, sự biến động này được xem là biến động bất thường trong giá trái phiếu, phương pháp định giá được sử dụng theo thứ tự sau: + Giá sạch từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
9.	Cổ phiếu niêm yết đăng ký giao dịch	- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch) sử dụng một trong các phương pháp định giá sau: + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
10.	Các tài sản được phép đầu tư, chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba tổ chức báo giá không phải là người có liên quan, sử dụng một trong các phương pháp sau: + Giá trung bình từ các báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba tháng tính đến ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: - Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc - Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
13.	Quyền mua cổ phiếu	$\text{Giá trị quyền mua} = \text{Max} \{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{Giá phát hành quyền mua}) \times \text{tỷ lệ chuyển đổi}\}$
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong Sổ tay định giá.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong Sổ tay định giá.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Các khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ có thể được Quỹ mang đi thế chấp trong các giao dịch bán và cam kết mua lại trái phiếu Chính phủ.

3.5 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như phí quản lý, phí giám sát, phí lưu ký, phí quản trị Quỹ, phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác) tại ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.6.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn phát hành không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn (tiếp theo)

3.6.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

3.6.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "Lợi nhuận chưa phân phối" vào cuối kỳ.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

3.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong kỳ, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.9.1 Phí quản lý danh mục đầu tư

Phí quản lý danh mục đầu tư bao gồm Phí quản lý quỹ, Phí dịch vụ quản trị quỹ và Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 38/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2011 thì phí quản lý danh mục đầu tư mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của quỹ.

(i) Phí quản lý quỹ

Phí quản lý quỹ là 1,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Phí quản lý quỹ được tính theo công thức như sau:

Phí quản lý quỹ = 1,5% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày).

(ii) Phí dịch vụ quản trị Quỹ

Phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% giá trị tài sản ròng một năm tính trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá (mức tối thiểu được miễn áp dụng trong vòng sáu tháng, các tháng sau đó tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Phí quản trị quỹ = 0,04% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong năm định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày).

(iii) Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng mỗi tháng cộng với 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch đối với các giao dịch trong tháng từ số 401 trở đi, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm để thực hiện dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng được tính theo công thức như sau:

Phí đại lý chuyển nhượng = 10.000.000 + 0,01% * Giá trị giao dịch trong tháng (từ giao dịch số 401 trở đi).

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.9.2 Phí giám sát

Phí giám sát là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá (mức tối thiểu là 11.000.000 đồng mỗi tháng áp dụng trong vòng sáu tháng được tính từ ngày có hiệu lực của bản Điều lệ, các tháng sau đó tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí giám sát được tính theo công thức sau:

Phí giám sát = $0,04\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 ngày)}$.

3.9.3 Phí lưu ký

Phí lưu ký là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá (mức tối thiểu là 11.000.000 đồng mỗi tháng áp dụng trong vòng sáu tháng được tính từ ngày có hiệu lực của bản Điều lệ, các tháng sau đó tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ lưu ký cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức phí lưu ký sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí lưu ký được tính theo công thức sau:

Phí lưu ký = $0,04\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 ngày)}$.

3.9.4 Phí giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giao dịch chứng khoán là 220.000 VND/giao dịch.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.11 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với phần thu nhập của nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

3.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.13 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo định nghĩa trong Thông tư 198 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày sáu tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, chứng khoán và trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả về mua các khoản đầu tư, khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả phí dịch vụ quản lý Quỹ.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.15 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Tiền gửi tại ngân hàng giám sát và lưu ký cho hoạt động của Quỹ	3.243.837.720	6.005.553.257
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (Thuyết minh 6) (*)	7.000.000.000	8.225.259.694
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua/bán chứng chỉ quỹ	1.223.696.391	1.856.659.336
	11.467.534.111	16.087.472.287

(*) Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội với lãi suất 4,6%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		
	Giá mua VND	Giá trị thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại VND
Cổ phiếu niêm yết	190.499.265.279	206.015.422.050	15.516.156.771
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng (Thuyết minh 6)	41.663.511.226	41.663.511.226	-
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (*)	15.053.050.000	15.123.369.450	70.319.450
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (**)	6.700.000.000	6.881.637.737	181.637.737
	253.915.826.505	269.683.940.463	15.768.113.958

(*) Khoản mục trái phiếu doanh nghiệp niêm yết là các trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan phát hành ngày 8 tháng 9 năm 2017, đáo hạn ngày 8 tháng 9 năm 2019, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 2 năm, lãi được trả sau, định kỳ sáu tháng/lần.

(**) Khoản mục trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết là các trái phiếu do Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn phát hành ngày 16 tháng 6 năm 2017, đáo hạn ngày 16 tháng 6 năm 2020, mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 3 năm, lãi được trả sau, định kỳ sáu tháng/lần.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Phải thu về bán các khoản đầu tư, dự thu cổ tức và tiền lãi các khoản đầu tư		
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.141.020.837	2.067.798.827
Dự thu cổ tức (ii)	1.055.092.000	471.790.100
Dự thu tiền lãi từ trái phiếu doanh nghiệp	457.407.534	41.643.836
	3.653.520.371	2.581.232.763

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

(i) Chi tiết dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2018:

	Số tiền gốc VND	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Lãi dự thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
Tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng (Thuyết minh 4)	7.000.000.000			22.936.987
Ngân hàng TMCP Quân đội	5.000.000.000	1	4,60%	16.383.562
Ngân hàng TMCP Quân đội	2.000.000.000	1	4,60%	6.553.425
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng (Thuyết minh 5)	41.663.511.226			2.118.083.850
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	12.631.564.247	18	7,40%	688.069.375
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	10.709.593.664	18	7,40%	611.993.780
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	5.000.000.000	13	7,00%	270.277.779
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	6.164.519.775	18	7,70%	202.871.812
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	4.000.000.000	18	7,70%	127.419.178
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	3.157.833.540	18	7,40%	217.451.926
	48.663.511.226			2.141.020.837

(ii) Chi tiết dự thu cổ tức như sau:

Mã chứng khoán	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
SVI	386.340.000	-
PAC	380.670.000	-
DRC	163.440.000	-
PTI	80.640.000	-
AST	44.000.000	-
TRA	2.000	4.000
VNM	-	178.363.500
VNR	-	104.500.000
FOX	-	97.200.000
DHG	-	81.921.000
QNS	-	9.800.000
PNJ	-	1.600
	1.055.092.000	471.790.100

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

7. PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

<i>Mã chứng khoán</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND</i>
MWG	344.816.450	-
QNS	-	1.079.176.340
VSC	-	248.772.600
	344.816.450	1.327.948.940

8. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND</i>
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	267.449.736	154.324.154
Phải trả cho các Đại lý phân phối	267.449.736	154.336.254
	534.899.472	308.660.408

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND</i>
Phải trả chi phí kiểm toán	131.457.534	66.000.000
Phải trả chi phí thù lao Ban Đại diện Quỹ	27.000.000	-
Trích trước phí quản lý thường niên	4.958.904	10.000.000
	163.416.438	76.000.000

10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND</i>
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành thủ tục xác nhận sở hữu chứng chỉ quỹ	172.201.900	1.711.014.000

11. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND</i>
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ hợp lệ đang chờ hoàn thành thủ tục thanh toán	1.643.710.770	145.645.336

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

12. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Phải trả phí quản lý Quỹ	1.073.330.516	312.767.911
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	66.000.000	66.000.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát	19.800.000	19.800.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	19.800.000	19.800.000
Phải trả phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	18.000.000	18.000.000
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	4.400.000	5.940.000
	1.201.330.516	442.307.911

13. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số dư đầu kỳ VND	Phát sinh trong kỳ VND	Số dư cuối kỳ VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	17.250.933,04	3.653.593,06	20.904.526,10
Giá trị ghi theo mệnh giá	172.509.330.400	36.535.930.600	209.045.261.000
Thặng dư vốn	55.999.826.316	37.088.445.960	93.088.272.276
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	228.509.156.716	73.624.376.560	302.133.533.276
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(4.537.016,50)	(1.486.272,19)	(6.023.288,69)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(45.370.165.000)	(14.862.721.900)	(60.232.886.900)
Thặng dư vốn	(20.858.594.951)	(14.593.606.436)	(35.452.201.387)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(66.228.759.951)	(29.456.328.336)	(95.685.088.287)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (chứng chỉ quỹ)	12.713.916,54	2.167.320,87	14.881.237,41
Giá trị vốn góp hiện hành	162.280.396.765	44.168.048.224	206.448.444.989
Lợi nhuận chưa phân phối	89.471.520.736	(15.196.072.743)	74.275.447.993
NAV hiện hành	251.751.917.501		280.723.892.982
NAV hiện hành trên 1 chứng chỉ quỹ	19.801,28		18.864,28

14. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	58.507.334.035	40.095.671.008
Lợi nhuận chưa thực hiện (Thuyết minh 18)	15.768.113.958	49.375.849.728
	74.275.447.993	89.471.520.736

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

15. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>
Cổ tức thực nhận	4.123.487.400	2.277.383.200
Cổ tức dự thu	1.055.092.000	483.135.000
	5.178.579.400	2.760.518.200

Chi tiết cổ tức thực nhận trong kỳ như sau:

<i>Mã chứng khoán</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>
NCT	489.600.000	279.000.000
MBB	312.162.000	297.297.600
PGC	286.920.000	12.000.000
FPT	270.828.000	157.002.000
NT2	270.240.000	88.192.000
PET	255.600.000	-
VSC	255.006.000	-
DGC	248.646.000	-
SAS	205.504.000	-
BMP	198.200.000	8.000.000
PVS	191.750.000	-
HCM	176.640.000	150.000.000
VNM	167.863.500	221.818.000
PLC	152.200.000	74.000.000
TCL	142.200.000	118.500.000
TCM	122.917.000	-
PME	72.140.000	-
NSC	68.655.000	60.030.000
QNS	63.900.000	-
VHC	60.950.000	-
HDG	50.258.500	34.507.000
REE	24.000.000	-
DHG	20.807.000	129.766.000
MWG	16.500.000	-
PNJ	400	1.600
PVT	-	192.100.000
VNR	-	125.400.000
ANV	-	125.217.000
CAV	-	91.000.000
SVI	-	77.268.000
RAL	-	24.000.000
GAS	-	12.278.000
TRA	-	6.000
	4.123.487.400	2.277.383.200

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

16. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
Tiền lãi đã nhận trong kỳ	711.454.222	406.048.288
Tiền lãi từ trái phiếu	431.195.890	170.866.693
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	280.258.332	235.181.595
Tiền lãi dự thu đến cuối kỳ	1.936.267.431	1.229.227.932
Tiền lãi từ trái phiếu	421.157.534	39.041.096
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	1.515.109.897	1.190.186.836
	2.647.721.653	1.635.276.220

17. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018			Lãi bán chứng khoản trong kỳ trước
	Tổng giá trị bán trong kỳ VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoản trong kỳ VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	28.372.016.500	15.115.665.343	13.256.351.157	1.775.388.359
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	3.300.000.000	3.300.000.000	-	(45.358.333)
	31.672.016.500	18.415.665.343	13.256.351.157	1.730.030.026

18. CHÉNH LỆCH GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Chênh lệch đánh giá lại ghi nhận trong kỳ này VND
Cổ phiếu niêm yết	190.499.265.279	206.015.422.050	15.516.156.771	49.296.574.528	(33.780.417.757)
Trái phiếu doanh nghiệp	21.753.050.000	22.005.007.187	251.957.187	79.275.200	172.681.987
	212.252.315.279	228.020.429.237	15.768.113.958	49.375.849.728	(33.607.735.770)

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	106.726.267	18.013.599
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	42.558.024	13.920.358
	149.284.291	31.933.957

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 28.1)	60.000.000	60.000.000
Phí thường niên trả cho UBCKNN	4.958.904	4.958.909
Phí Ngân hàng	2.765.332	2.137.982
Chi phí khác	-	1.764.000
	67.724.236	68.860.891

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, giao dịch của Quỹ được thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên (mã) các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong kỳ	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)/(5)(%)	(7)(%)	(8)(%)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	27.207.852.500	121.308.955.000	22,43%	0,15%	0,15%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồ Chí Minh	Không liên quan	26.400.845.000	121.308.955.000	21,76%	0,15%	0,15%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Không liên quan	26.384.905.500	121.308.955.000	21,75%	0,15%	0,15%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	21.519.611.000	121.308.955.000	17,74%	0,15%	0,15%
5	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Có liên quan	11.087.041.000	121.308.955.000	9,14%	0,15%	0,15%
6	Giao dịch trên thị trường OTC	Không liên quan	8.708.700.000	121.308.955.000	7,18%		
Tổng			121.308.955.000		100,00%		

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. THU NHẬP KHÁC

Thu nhập khác thể hiện khoản phí thu từ việc các nhà đầu tư bán lại chứng chỉ quỹ.

23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018:

Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng CCQ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	
			NAV/1CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	VND		VND	VND
Kỳ 1/Tháng 1	253.591.419.846	12.713.916,54	19.945,97	-
Kỳ 2/Tháng 1	259.297.462.781	12.794.199,40	20.266,79	320,82
Kỳ 3/Tháng 1	262.736.349.022	12.888.214,22	20.385,78	118,99
Kỳ 4/Tháng 1	264.998.733.522	13.029.222,94	20.338,79	(46,99)
Kỳ 5/Tháng 1	268.528.881.303	13.069.671,20	20.545,95	207,16
Kỳ cuối/Tháng 1	267.670.364.883	13.141.777,92	20.367,89	(178,06)
Kỳ 1/Tháng 2	251.841.734.002	13.141.777,92	19.163,44	(1.204,45)
Kỳ 2/Tháng 2	264.485.747.200	13.176.266,01	20.072,89	909,45
Kỳ 3/Tháng 2	264.476.917.684	13.176.266,01	20.072,22	(0,67)
Kỳ 4/Tháng 2	271.053.627.323	13.247.221,03	20.461,16	388,94
Kỳ cuối/Tháng 2	276.432.615.993	13.459.098,12	20.538,71	77,55
Kỳ 1/Tháng 3	279.570.861.553	13.459.098,12	20.771,88	233,17
Kỳ 2/Tháng 3	287.838.680.681	13.654.849,17	21.079,59	307,71
Kỳ 3/Tháng 3	294.280.531.816	13.924.541,10	21.133,94	54,35
Kỳ 4/Tháng 3	291.632.511.700	13.840.962,61	21.070,24	(63,70)
Kỳ cuối/Tháng 3	290.498.051.363	13.865.066,05	20.951,79	(118,45)
Kỳ 1/Tháng 4	290.754.107.279	13.865.066,05	20.970,26	18,47
Kỳ 2/Tháng 4	292.897.569.862	13.951.821,68	20.993,50	23,24
Kỳ 3/Tháng 4	289.920.255.728	14.093.067,16	20.571,83	(421,67)
Kỳ 4/Tháng 4	280.700.353.167	14.258.934,75	19.685,92	(885,91)
Kỳ cuối/Tháng 4	284.412.398.217	14.503.749,15	19.609,57	(76,35)

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018			
	NAV	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	VND		VND	VND
Kỳ 1/Tháng 5	284.412.463.924	14.503.749,15	19.609,58	0,01
Kỳ 2/Tháng 5	284.840.242.433	14.481.479,54	19.669,27	59,69
Kỳ 3/Tháng 5	292.908.535.133	14.824.775,98	19.758,04	88,77
Kỳ 4/Tháng 5	285.256.706.962	14.910.732,73	19.130,96	(627,08)
Kỳ 5/Tháng 5	282.362.303.421	14.944.636,57	18.893,88	(237,08)
Kỳ cuối/Tháng 5	283.412.851.588	14.923.472,14	18.991,07	97,19
Kỳ 1/Tháng 6	290.882.748.954	14.923.472,14	19.491,62	500,55
Kỳ 2/Tháng 6	293.130.787.839	15.073.952,27	19.446,17	(45,45)
Kỳ 3/Tháng 6	284.294.364.548	15.076.833,58	18.856,37	(589,80)
Kỳ 4/Tháng 6	285.992.551.622	14.913.843,78	19.176,31	319,94
Kỳ cuối/Tháng 6	280.723.892.982	14.881.237,41	18.864,28	(312,03)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ 279.650.594.174
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức cao nhất
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức thấp nhất

(1.204,45)
0,01

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017:

Kỳ tính NAV	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017				Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	NAV	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV	VND	
	VND			VND	VND
Kỳ 1/Tháng 1	152.292.499.839	10.059.647,03	15.138,95	-	-
Kỳ 2/Tháng 1	153.505.529.745	10.072.784,92	15.239,63	100,68	100,68
Kỳ 3/Tháng 1	155.565.260.593	10.120.682,99	15.371,02	131,39	131,39
Kỳ 4/Tháng 1	156.766.804.010	10.180.739,35	15.398,37	27,35	27,35
Kỳ cuối/Tháng 1	158.477.238.291	10.257.774,11	15.449,47	51,10	51,10
Kỳ 1/Tháng 2	158.477.245.990	10.257.774,11	15.449,47	-	-
Kỳ 2/Tháng 2	160.940.844.180	10.259.994,24	15.686,25	236,78	236,78
Kỳ 3/Tháng 2	164.224.913.195	10.269.521,29	15.991,48	305,23	305,23
Kỳ 4/Tháng 2	167.069.701.925	10.356.101,55	16.132,48	141,00	141,00
Kỳ cuối/Tháng 2	165.800.404.138	10.337.402,99	16.038,88	(93,60)	(93,60)
Kỳ 1/Tháng 3	166.952.793.150	10.346.286,87	16.136,49	97,61	97,61
Kỳ 2/Tháng 3	162.455.165.604	10.076.708,40	16.121,84	(14,65)	(14,65)
Kỳ 3/Tháng 3	166.269.456.417	10.133.312,59	16.408,20	286,36	286,36
Kỳ 4/Tháng 3	166.432.889.637	10.137.704,75	16.417,21	9,01	9,01
Kỳ cuối/Tháng 3	167.649.496.926	10.134.648,61	16.542,21	125,00	125,00
Kỳ 1/Tháng 4	167.866.541.673	10.141.771,35	16.563,62	21,41	21,41
Kỳ 2/Tháng 4	168.268.929.211	10.184.576,28	16.327,31	28,05	28,05
Kỳ 3/Tháng 4	166.286.775.912	10.131.114,48	16.317,45	(264,36)	(264,36)
Kỳ 4/Tháng 4	165.314.050.846	10.183.706,96	16.684,75	(9,86)	(9,86)
Kỳ cuối/Tháng 4	169.912.617.087	10.183.706,96	16.684,75	367,30	367,30
Kỳ 1/Tháng 5	169.911.647.456	10.183.706,96	16.684,75	(0,10)	(0,10)
Kỳ 2/Tháng 5	172.515.137.095	10.271.589,48	16.795,36	110,71	110,71
Kỳ 3/Tháng 5	175.181.182.475	10.310.251,16	16.990,97	195,61	195,61
Kỳ 4/Tháng 5	183.389.934.324	10.600.412,33	17.300,26	309,29	309,29
Kỳ 5/Tháng 5	185.628.183.931	10.640.555,52	17.445,34	145,08	145,08
Kỳ cuối/Tháng 5	186.186.672.892	10.651.372,21	17.480,06	34,72	34,72



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017			Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	NAV	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV	
	VND		VND	VND
Kỳ 1/Tháng 6	188.724.184.568	10.651.372,21	17.718,29	238,23
Kỳ 2/Tháng 6	190.513.776.871	10.670.833,89	17.853,69	135,40
Kỳ 3/Tháng 6	194.465.222.579	10.741.220,94	18.104,57	250,88
Kỳ 4/Tháng 6	195.020.594.993	10.733.078,13	18.170,05	65,48
Kỳ cuối/Tháng 6	196.056.587.068	10.737.344,19	18.259,31	89,26
Giá trị tài sản ròng bình quân kỳ	170.785.801.130			
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức cao nhất				367,30
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức thấp nhất				(0,10)

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

24. TÀI SẢN NGOẠI BẢNG

24.1 Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Đến một năm	14.881.237,41	12.713.916,54

25. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Tỷ lệ chi phí hoạt động	2,08%	2,14%
Tốc độ vòng quay danh mục	43,37%	21,50%

25.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

25.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 \times 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

26.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu niêm yết và trái phiếu doanh nghiệp niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu và trái phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 206.015.422.050 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 20.601.542.205 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 20.601.542.205 đồng.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết của Quỹ là 15.123.369.450 đồng. Nếu giá trị thị trường của trái phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 1.512.336.945 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của trái phiếu này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 1.512.336.945 đồng.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng và trái phiếu doanh nghiệp của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ nắm giữ chủ yếu các chứng khoán nợ của các tổ chức tài chính có lãi suất cố định.

(iii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

26.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm cuối kỳ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	4.467.534.111	4.467.534.111	7.862.212.593	7.862.212.593
- Tiền gửi ngân hàng	7.000.000.000	7.000.000.000	8.225.259.694	8.225.259.694
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng				
Các khoản đầu tư	190.499.265.279	206.015.422.050	131.067.292.122	180.363.866.650
- Cổ phiếu niêm yết	41.663.511.226	41.663.511.226	46.654.538.316	46.654.538.316
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	21.753.050.000	22.005.007.187	10.000.000.000	10.079.275.200
- Trái phiếu doanh nghiệp	3.653.520.371	3.653.520.371	2.581.232.763	2.581.232.763
Các khoản phải thu	269.036.880.987	284.804.994.945	206.390.535.488	255.766.385.216
TỔNG CỘNG				
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	344.816.450	344.816.450	1.327.948.940	1.327.948.940
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	534.899.472	534.899.472	308.660.408	308.660.408
Chi phí phải trả	136.416.438	136.416.438	76.000.000	76.000.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	172.201.900	172.201.900	1.711.014.000	1.711.014.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	1.643.710.770	1.643.710.770	145.645.336	145.645.336
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	1.201.330.516	1.201.330.516	442.307.911	442.307.911
TỔNG CỘNG	4.033.375.546	4.033.375.546	4.011.576.595	4.011.576.595

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4*.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4*.

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

28.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
Phí quản lý Quỹ	2.080.784.797	1.270.765.594

b) Thủ lao Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán như chi phí của Quỹ.

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	60.000.000	60.000.000

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

28.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
		Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Chủ sở hữu chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.500.000,00	16,80%	2.500.000,00	19,66%
Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	1.709.027,88	11,48%	1.709.027,88	13,45%
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chủ sở hữu chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.370.330,35	15,93%	2.370.330,35	18,64%
Bên liên quan khác		75.879,42	0,51%	53.625,45	0,42%
Tổng cộng		6.655.237,65	44,72%	6.632.983,68	52,17%

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

28.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký, Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giám sát là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 11.000.000 đồng mỗi tháng trong vòng sáu tháng được tính từ ngày có hiệu lực của bản Điều lệ, các tháng tiếp theo tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng) và phí lưu ký là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu 11.000.000 đồng mỗi tháng trong vòng sáu tháng được tính từ ngày có hiệu lực của bản Điều lệ, các tháng tiếp theo tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng).

Ngoài ra, Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam cũng là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam khoản phí quản trị quỹ là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (mức tối thiểu được miễn áp dụng trong vòng sáu tháng, các tháng sau đó tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng).

Chi tiết phí dịch vụ phát sinh trong năm như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
	Ngân hàng Standard Chartered VND	Ngân hàng Standard Chartered VND
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quý	108.000.000	87.000.000
Phí dịch vụ giám sát	118.800.000	95.700.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	118.800.000	59.400.000



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

